

Số: 572 /BC-UBND

Kim Trà, ngày 28 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Thông kê nhu cầu bổ sung biên chế giáo viên đến năm học 2030-2031

(Thực hiện theo Công văn số 11651/UBND-GD ngày 25/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc tham mưu xây dựng báo cáo thống kê nhu cầu bổ sung biên chế giáo viên theo đơn vị hành chính mới)

1. Giáo viên

Cấp học	Số nhóm / lớp hiện có	Số GV trong g biên chế hiện có	Số biên chế GV được cấp có thẩm quyền giao	Số biên chế GV được c giao chưa tuyển dụng g	Kế hoạch nhóm/lớp						Số giáo viên cần có theo định mức						Số biên chế giáo viên đề xuất bổ sung						
					Nă m học 2025 - 2026	Nă m học 202 6- 202 7	Năm học 2027 - 2028	Năm học 2028 - 2029	Năm học 2029 - 2030	Năm học 2030 - 2031	Năm học 2025 - 2026	Năm học 2026 - 2027	Năm học 2027 - 2028	Năm học 2028 - 2029	Năm học 2029 - 2030	Năm học 2030 - 2031	Tôn g số	Năm học 2025 - 2026	Năm học 2026 - 2027	Năm học 2027 - 2028	Năm học 2028 - 2029	Năm học 2029 - 2030	Năm học 2030 - 2031
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
Nhà trẻ	13	32	34	2	13	14	15	16	18	18	34	37	39	41	47	47	13	3	0	2	2	4	0
Mẫu giáo	40	86	86	10	40	39	39	41	43	43	86	83	83	87	91	91	8	0	0	0	4	6	0
TH	84	138	133	1	84	84	85	85	85	86	133	132	133	133	133	133	8	2	2	3	0	5	5
THCS	52	98	98	0	62	54	54	54	55	53	100	103	103	103	105	103	12	6	2	2	2	5	3
Tổng	189	354	351	13	199	191	193	196	201	200	353	355	358	364	376	374	41	11	4	7	8	20	8
* Số liệu trong các cột (2),(3),(4),(5) là số liệu tính đến thời điểm 31/5/2025																							

2. Nhân viên

Cấp học	Số nhân viên trong biên chế hiện có	Số biên chế nhân viên được cấp có thẩm quyền giao	Số biên chế nhân viên được giao chưa tuyển dụng	Số nhân viên cần có theo định mức						Số biên chế nhân viên đề xuất bổ sung						
				Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028-2029	Năm học 2029-2030	Năm học 2030-2031	Tổng số	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028-2029	Năm học 2029-2030	Năm học 2030-2031
(1)	(3)	(4)	(5)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
Nhà trẻ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mẫu giáo	12	12	0	21	21	21	21	21	21	9	9	0	0	0	0	0
TH	21	21	0	35	35	35	35	35	35	14	14	0	0	0	0	0
THCS	15	15	0	21	21	21	21	21	21	6	6	0	0	0	0	0
Tổng	48	48	0	77	77	77	77	77	77	29	29	0	0	0	0	0

* Số liệu trong các cột (2),(3),(4),(5) là số liệu tính đến thời điểm 31/5/2025

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Sở GD&ĐT;
- CT và các PCT phường ;
- Lưu: VT,VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Văn Xuân